

...Q1., ngày 31. tháng 12 Năm ...2022.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ 4/ 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu Học Nguyễn Thái Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 4 năm 2022 theo Quyết định số 09 /QĐ-NTB ngày 31/12/2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4/2022	Thực hiện Dự toán Quý 4/ 2022(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.444.020.000	2.008.742.309	45	
	1. Thu sự nghiệp khác	4.373.520.000	1.984.615.500	45	
	- Tiền phục vụ bán trú	2.214.000.000	830.700.000	38	
	- Tiền vệ sinh bán trú	369.000.000	141.050.000	38	
	- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	123.000.000	112.200.000	91	
	- Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	769.500.000	222.927.500	29	
	- Tiền tổ chức lớp tự chọn - Tin học	307.800.000	167.955.000	55	
	- Tiền tổ chức lớp học tăng cường ,tự chọn Tiếng Anh	90.000.000	98.637.500	110	
	- Tiền tổ chức lớp học Tiếng Anh(người nước ngoài)	140.220.000	157.065.500	112	
	- Tiền Giáo dục kỹ năng sống	0	8.600.000		
	- Tiền tổ chức chương trình ngoại khóa, các môn năng khiếu	360.000.000	245.480.000	68	
	2. Thu cung ứng dịch vụ:	70.500.000	24.126.809	34	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Trạm phát sóng VNPT)	22.500.000	22.500.000	100	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Căntin)	45.000.000	0	0	
	- Lãi gửi ngân hàng	3.000.000	1.626.809	54	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.889.000.000	3.386.009.668		
	Chi thường xuyên:				
1	Từ NSNN:	7.763.000.000	3.114.137.702	40	
	Chi thanh toán cá nhân	4.555.691.000	1.553.328.480	34	
	Chi tiền lương	2.278.504.000	648.293.338	28	
	- Lương theo ngạch, bậc	2.225.044.000	624.036.138	28	
	- Lương theo hợp đồng :	53.460.000	24.257.200	45	
	- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Phụ cấp lương	1.449.576.000	485.259.073	33	
	- Phụ cấp chức vụ	39.204.000	12.963.000	33	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4/2022	Thực hiện Dự toán Quý 4/2022(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Chi PC làm thêm giờ	104.097.000	129.306.992		
	- Chi PC ưu đãi nghề	741.272.000	218.428.508	29	
	- Chi PC trách nhiệm	7.260.000	2.682.000	37	
	- Chi PC độc hại (Thư viện)	1.452.000		0	
	- Chi PC thâm niên nhà giáo, vượt khung	556.291.000	121.878.573	22	
				0	
	Chi Học bổng học sinh sinh viên	9.470.000	1.715.000	18	
	Hỗ trợ chi phí học tập	4.150.000	1.715.000	41	
	Miễn giảm HP theo ND 86	5.320.000	0	0	
	Các khoản đóng góp	675.390.000	184.036.702	27	
	Bảo hiểm xã hội	502.950.000	137.048.608	27	
	Bảo hiểm y tế	86.220.000	23.494.047	27	
	Kinh phí công đoàn	57.480.000	15.662.698	27	
	Bảo hiểm thất nghiệp	28.740.000	7.831.349	27	
	Thanh toán khác cho cá nhân	142.751.000	234.024.367	164	
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		178.464.227	0	
	Chi hỗ trợ GV dạy hòa nhập khuyết tật	113.547.000	55.560.140	49	
	Trợ cấp, phụ cấp khác	29.204.000		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	174.930.000	30.385.722	17	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	136.000.000	23.041.722	17	
	Tiền điện	96.000.000	11.527.722	12	
	Tiền nước	20.000.000	6.932.640	35	
	Tiền vệ sinh môi trường	20.000.000	4.581.360	23	
	Vật tư văn phòng	15.530.000	0	0	
	Văn phòng phẩm	15.530.000		0	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	5.400.000	1.344.000	25	
	Cước phí điện thoại				
	Cước phí bưu chính				
	Thuê bao cấp truyền hình				
	Cước phí internet, đường truyền mạng				
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	5.400.000	1.344.000	25	
	Chi phí hội nghị:	0			
	Chi phí khác				
	Công tác phí	18.000.000	6.000.000	33	
	Khoản công tác phí	18.000.000	6.000.000	33	
	Chi hỗ trợ, giải quyết việc làm	0	0		
	Chi TC thôi việc		0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	186.379.000	0	0	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Nhà cửa	99.926.000			
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Đường điện cấp thoát nước				
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	86.453.000			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4/2022	Thực hiện Dự toán Quý 4/ 2022(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	100.000.000	0	0	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Các thiết bị công nghệ thông tin	100.000.000			
	Tài sản và thiết bị khác				
	Chi phí thuê mướn khác	0	27.078.192		
	Thuê mướn phương tiện vận tải				
	Thuê lao động trong nước		27.078.192	100	
	Thuê đào tạo lại cán bộ				
	Chi phí thuê mướn khác				
	Chi lập các quỹ	0	346.430.559		
	Quỹ phúc lợi		103.929.167		
	Quỹ khen thưởng		155.893.752		
	Quỹ phát triển HDSN		86.607.640		
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	4.444.020.000	2.118.136.200	48	
	Chi thanh toán cá nhân	2.282.240.000	759.702.473	33	
	Chi tiền lương	1.323.460.000	378.050.982	29	
	- Lương theo ngạch, bậc			0	
	- Lương theo hợp đồng :			0	
	- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	1.323.460.000	378.050.982	29	
	Phụ cấp lương				
	- Phụ cấp chức vụ				
	- Chi PC làm thêm giờ				
	- Chi PC ưu đãi nghề				
	- Chi PC trách nhiệm				
	- Chi PC độc hại (Thư viện)				
	- Chi PC thâm niên nhà giáo				
	- Chi PC thâm niên vượt khung				
	Các khoản đóng góp	158.780.000	70.491.491	44	
	Bảo hiểm xã hội	122.704.000	57.376.795	47	
	Bảo hiểm y tế	26.604.000	9.836.022	37	
	Kinh phí công đoàn	2.460.000			
	Bảo hiểm thất nghiệp	7.012.000	3.278.674	47	
	Thanh toán khác cho cá nhân	800.000.000	311.160.000	39	
	Trợ cấp, phụ cấp khác	800.000.000	311.160.000	39	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	216.400.000	30.729.247	14	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	132.000.000	27.393.479	21	
	Tiền điện	60.000.000	12.350.175	21	
	Tiền nước	60.000.000	14.679.304	24	
	Tiền vệ sinh môi trường	12.000.000	364.000	3	
	Vật tư văn phòng	30.000.000	0	0	
	Văn phòng phẩm	20.000.000			
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	10.000.000			
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	32.400.000	108.768	0	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4/2022	Thực hiện Dự toán Quý 4/ 2022(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Cước phí điện thoại	2.400.000		0	
	Cước phí bưu chính		108.768		
	Thuê bao cáp truyền hình	1.600.000		0	
	Cước phí internet, đường truyền mạng	2.000.000		0	
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	26.400.000		0	
	Chi Hội Nghị	10.000.000	3.227.000	32	
	Chi in, mua tài liệu	0	187.000		
	Chi phí khác	10.000.000	3.040.000	30	
	Công tác phí	12.000.000	0	0	
	Khoản công tác phí	12.000.000		0	
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	332.300.000	27.670.400	8	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	42.300.000			
	Nhà cửa	50.000.000			
	Các thiết bị công nghệ thông tin	60.000.000		0	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	10.000.000	6.416.000	64	
	Đường điện cấp thoát nước	20.000.000			
	Đường sá, cầu cống, bến cảng sân bay		21.254.400		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	150.000.000			
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	510.000.000	267.845.120	53	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	20.000.000			
	Tài sản và thiết bị văn phòng	20.000.000			
	Các thiết bị công nghệ thông tin	60.000.000			
	Tài sản và thiết bị khác	50.000.000			
	Chi mua hàng hóa, vật tư	280.000.000	230.972.760	82	
	Mua ăn chi, pho to tài liệu		2.801.600		
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	20.000.000	32.070.760		
	Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	60.000.000	2.000.000		
	Chi phí thuê mướn khác	270.000.000	243.539.018	90	
	Thuê mướn phương tiện vận tải				
	Thuê lao động trong nước		243.539.018	100	
	Thuê đào tạo lại cán bộ			0	
	Chi phí thuê mướn khác	270.000.000		0	
	Chi không thường xuyên:	215.880.000	271.871.966	126	
1	Từ NSNN:	126.000.000	271.871.966	216	
	Chi lương ,Bảo hiểm cho GV phổ cập				
	Chi mua Hàng hóa vật tư				
	Chi mua sắm TSCĐ				
	Chi sửa chữa nhà cửa (chống thấm P học,P Ch năng,mặt dựng nhà xe)				
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi thực hiện các CTMTQG				
	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng				
	Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)		271.871.966		
	Chi ĐTXDCB				
	Chi đối ứng các dự án				
	Chi khác (nếu có) (chi tiết từng nội dung)				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4/2022	Thực hiện Dự toán Quý 4/2022(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Trợ cấp Tết	103.500.000		0	
	- Trợ cấp Phó Tổng Phụ trách Đội	22.500.000		0	
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	89.880.000	0		
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi mua sắm, sửa chữa				
	Chi nộp thuế	89.880.000		0	
	Chi phí ngân hàng			0	
3	Chi CNTT theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND	3.043.280.000	1.472.374.727	48	
	- Từ nguồn CCTL NSNN cấp	2.746.000.000	1.156.914.749	42	
	- Từ nguồn CCTL từ nguồn thu SN	297.280.000	315.459.978		
	PHÂN PHỐI KINH PHÍ TIẾT KIỆM ĐƯỢC TỪ KHOẢN CHÊNH LỆCH THU LỚN HƠN CHI	445.920.000	473.189.964		
	Trích CCTL theo quy định		0		
	Chi thu nhập tăng thêm				
	Trích lập các quỹ	445.920.000	473.189.964	0	
	Quỹ phúc lợi	222.960.000	197.162.484	0	
	Quỹ khen thưởng	111.480.000	157.729.989	0	
	Quỹ phát triển HDSN	111.480.000	118.297.491	0	
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
	TỔNG CỘNG CHI	12.333.020.000	5.504.145.868		

Lập Bảng



Nguyễn Thị Kim Loan

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hiệu Trưởng



Phạm Ngọc Hiếu